

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 115/2026/DS-PT
Ngày 31-3-2026
V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Vân Thuý và ông Phạm Anh Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Bảo - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2026/TLPT-DS ngày 06 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2025/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 87/2026/QĐXXPT-DS ngày 04 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2026/QĐPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

01. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tô C, phường B, quận K (nay là phường K), thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số B C, phường B, quận K (nay là phường K), thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Anh C - Trưởng Chi nhánh Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H, (Văn bản uỷ quyền ngày 27/02/2025); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Quỳnh N1 - Luật sư của Công ty L1 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1963; nơi đăng ký thường trú: Tô B, Cùm D, phường B, quận K (nay là phường K), thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số B, đường T, phường Q, quận K (nay là phường K), thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Vũ Thị Thu T - Luật sư của Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn H; sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn F, thị trấn E, huyện E (nay là xã E), tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Văn H: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ C, phường B, quận K (nay là phường K), thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số B C, phường B, quận K (nay là phường K), thành phố Hải Phòng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 12/01/2024); có mặt.

3.2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1952; nơi cư trú: Số A đường Đ, phường N, quận K (nay là phường P), thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.3. Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1976; nơi đăng ký thường trú: Số A đường Đ, tổ K, phường N, quận K (nay là phường P), thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số D đường L, phường B, quận K (nay là phường K), thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.4. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số D đường T, phường N, quận K (nay là phường P), thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.5. Anh Nguyễn Văn D1, sinh năm 1979; nơi cư trú: số A đường Đ, phường N, quận K (nay là phường P), thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.6. Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số C đường Đ, phường N, quận K (nay là phường P), thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.7. Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số H đường Đ, phường N, quận K (nay là phường P), thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.8. Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1990; nơi cư trú: Xóm H, xã C, huyện Q (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

3.9. Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1991; nơi cư trú: Thôn V, xã H, thị xã N (nay là phường N), tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

3.10. Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1995; nơi cư trú: Xóm H, xã C, huyện Q (nay là xã Q), tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H1, chị H2 và chị P: Ông Nguyễn Văn C1, sinh năm 1964; nơi cư trú: Tổ A (hiện là tổ C), phường B, quận K (nay là phường K), thành phố Hải Phòng, (các văn bản ủy quyền ngày 15/01/2024 và ngày 05/4/2024); vắng mặt.

3.11. Bà Nguyễn Thị N2; nơi đăng ký thường trú: Tổ B, Cụm D, phường B, quận K (nay là phường K), thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện nay: Số B, đường T, phường Q, quận K (nay là phường K), thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

3.12. Ông Nguyễn Duy C2, sinh năm 1965 và bà Phạm Thị T5, cùng địa chỉ: Số nhà A đường C, tổ C, phường B, quận K (nay là phường K), thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

4. *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N và bị đơn ông Nguyễn Văn D; đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án tại các cấp xét xử sơ thẩm, cấp phúc thẩm và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N trình bày:

Cụ Nguyễn Văn C3, chết năm 2000 và cụ Nguyễn Thị V, chết năm 2006. Hai cụ có 6 người con gồm: Bà Nguyễn Thị T6; ông Nguyễn Văn H3; ông Nguyễn Văn D; ông Nguyễn Văn H; ông Nguyễn Văn L; bà Nguyễn Thị N. Ngoài ra các cụ không có con chung, con riêng nào khác. Bố mẹ đẻ của cụ C3 và cụ V đã chết trước 02 cụ. Trong số 06 người con đẻ của cụ C3 và cụ V có: Bà Nguyễn Thị T6 chết ngày 05/12/2019, có chồng và 05 người con gồm: Ông Nguyễn Văn B; anh Nguyễn Văn T1; chị Nguyễn Thị T2; anh Nguyễn Văn D1; chị Nguyễn Thị T3; chị Nguyễn Thị T4; Ông Nguyễn Văn H3 chết ngày 26/01/1996, có vợ và 03 người con là: Bà Lê Thị V1; chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị H2; chị Nguyễn Thị P; Ông Nguyễn Văn L chết ngày 31/7/2021 không có vợ con.

Khi còn sống cụ C3 và cụ V có khối tài sản sau: Diện tích 896,1m² đất thổ cư tại thửa 28, tờ bản đồ địa chính số 303592- 8 - (11), tổ B cụm D phường B, quận K, thành phố Hải Phòng (nay là C, phường K) và 01 ngôi nhà nhỏ xây dựng trên đất năm 2003. Hiện do ông Nguyễn Văn D quản lý sử dụng. Khi chết các cụ C3 cụ V không để lại di chúc và không để lại nghĩa vụ về tài sản. Năm 2015, trong gia đình có họp và thống nhất diện tích 896,1m² đất thổ cư sẽ chia cho ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị N từ ngõ đi vào phía bên trái, phía bên phải là của ông Nguyễn Văn D. Ngõ rộng 2m thì sử dụng chung. Việc anh chị em thỏa thuận được lập thành văn bản và cùng ký nhận. Tuy nhiên, sau đó ông D không thực hiện như bản thỏa thuận nên bà đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân quận Kiến An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5) yêu cầu giải quyết:

- Chia di sản thừa kế là Quyền sử dụng đất theo diện tích số đo thực tế là 791,7m² đất thổ cư, tại thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 303592-8 - (11), tại tổ B cụm D phường B, quận K, thành phố Hải Phòng (nay là C, phường K) theo quy định pháp luật và đề nghị được nhận kỷ phần của mình bằng hiện vật, đề nghị Tòa án miễn án phí cho bà do là người cao tuổi.

Đối với ngôi nhà do mẹ bà xây dựng năm 2003 đến nay đã xuống cấp không còn giá trị sử dụng nên bà không yêu cầu chia.

- Yêu cầu Tòa án chia đối với phần tài sản của ông Nguyễn Văn L được hưởng trong khối di sản thừa kế của cụ C3 và cụ V để lại theo quy định của pháp luật.

- Về công sức đóng góp nuôi dưỡng, chăm sóc ông Nguyễn Văn L: Bà và các anh chị em trong gia đình đã để lại 3 suất ruộng cho ông Nguyễn Văn D để thêm vào chi phí nuôi dưỡng, chăm sóc ông L (hiện nay ông D vẫn đang quản lý 3 suất đất này). Thời điểm ông L ốm và đi bệnh viện gia đình bà có thêm tiền để chăm lo cho ông L nằm viện. Bà xác nhận ông D cũng có công trong việc chăm sóc ông L. Khi ông L còn sống bà cũng chăm lo cho ông L. Sau khi ông L chết thì bà và gia đình có nghĩa vụ chi phí phúng viếng và chôn cất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp và Người đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các yêu cầu khởi kiện.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn ông Nguyễn Văn D và người đại diện hợp pháp trình bày: Ông thống nhất với lời khai của bà N về quan hệ huyết thống, thời điểm chết của cụ C3, cụ V và những người được hưởng thừa kế. Về di sản thừa kế như nguyên đơn đã trình bày. Khi còn sống các cụ đã xây dựng nhà ở và sinh sống tại thửa đất của mình. Năm 2003 do ngôi nhà của 02 cụ xuống cấp nên bị đơn đã bỏ tiền ra để xây dựng lại nhà cho cụ V và em trai bị tâm thần là Nguyễn Văn L ở. Ngôi nhà này hiện nay đã xuống cấp, nhưng bị đơn vẫn để làm nơi thờ cúng 02 cụ và em trai. Khi chết các cụ C3 cụ V không để lại di chúc và không có tranh chấp về nghĩa vụ chôn cất, phúng viếng.

Khoảng năm 2009, vợ chồng bị đơn có bỏ tiền đầu tư xây dựng 01 dãy nhà trọ cho thuê, hiện các gian trọ này vẫn đang có người thuê; bị đơn xác nhận số tiền bị đơn thu được từ việc cho thuê nhà trọ là để bù đắp vào khoản tiền đã bỏ ra đầu tư xây dựng nhà trọ. Nguyên đơn yêu cầu chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại, bị đơn đồng ý và có quan điểm như sau:

Bị đơn yêu cầu chia khối tài sản thành 06 suất (sau khi đã trừ đi phần diện tích đất làm ngõ đi chung), bị đơn nhận 3/6 suất thừa kế gồm: 01 suất của bị đơn; 01 suất của ông Nguyễn Văn L do bị đơn là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng ông L; 01 suất trông coi, bảo quản di sản thừa kế; còn 3/6 suất còn lại chia đều cho các thừa kế khác. Người nào nhận phần đất trên đó có phần diện tích nhà trọ thì phải thanh toán giá trị bằng tiền cho bị đơn theo mức giá mà Hội đồng định giá đã xác định; đối với các tài sản khác trên đất bị đơn không yêu cầu. Bị đơn nghị Tòa án miễn án phí do là người cao tuổi.

Tại phiên toà sơ thẩm bị đơn bổ sung ý kiến: Đề nghị để lại một phần diện tích đất dùng vào việc làm nhà thờ chung, phần còn lại chia như nội dung bị đơn đã

đề nghị; Trường hợp giải quyết phân chia di sản của ông L để lại, bị đơn đề nghị làm rõ công sức chăm sóc nuôi dưỡng của bị đơn đối với ông L.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị V1, chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị P là ông Nguyễn Văn C1 - trong quá trình giải quyết vụ án đã có quan điểm: Thống nhất với lời khai của nguyên đơn như đã trình bày ở trên về chia di sản thừa kế. Nếu trên phần diện tích được chia có tài sản là nhà trọ do bị đơn xây dựng thì tất cả sẽ hoàn trả cho bị đơn giá trị bằng tiền theo mức giá mà Hội đồng định giá đã xác định.

Anh Nguyễn Văn T1 trình bày: Anh là con đẻ của bà Nguyễn Thị T6; mẹ anh đã chết năm 2019 và là con của cụ Nguyễn Văn C3 cụ Nguyễn Thị V; bà T6 có chồng là ông Nguyễn Văn B và 05 người con gồm, Nguyễn Văn T1, chị Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Văn D1, chị Nguyễn Thị T3, chị Nguyễn Thị T4. Anh xác nhận lời khai của nguyên đơn và bị đơn về di sản thừa kế, ngày tháng năm chết của 02 cụ và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất là đúng. Anh đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật có tính đến phần công sức bảo quản di sản của ông Nguyễn Văn D và đề nghị được nhận kỹ phần thừa kế bằng hiện vật, nếu trên phần diện tích được chia có tài sản là nhà trọ do bị đơn xây dựng thì anh cùng mọi người trong gia đình anh sẽ hoàn trả cho bị đơn giá trị bằng tiền theo mức giá mà Hội đồng định giá đã xác định.

Riêng đối với phần tài sản của ông Nguyễn Văn L được hưởng trong khối di sản thừa kế của cụ C3 và cụ V, do ông L đã chết, không có vợ con nên anh đề nghị Tòa án chia cho ông Nguyễn Văn D được hưởng toàn bộ, vì ông D là người có công chăm sóc và nuôi dưỡng ông L, do ông L bị bệnh tâm thần từ nhỏ.

Ông Nguyễn Văn B, chị Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Văn D1, chị Nguyễn Thị T3, chị Nguyễn Thị T4 (chồng và con của bà Nguyễn Thị T6); Bà Nguyễn Thị N2 (là vợ của ông Nguyễn Văn D) mặc dù đã được Tòa án Thông báo và triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại: yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia dứt điểm di sản của ông Nguyễn Văn L để lại cho những người thuộc hàng thừa kế của ông L để đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các đương sự trong vụ án.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường B (nay là phường K):

Theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 1997 hiện Ủy ban nhân dân phường B, quận K, thành phố Hải Phòng đang quản lý, lưu giữ: Thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 303592-8 - (11), số hiệu mảnh bản đồ gốc F-48-118-C-b-1; địa chỉ: Tổ B cụm D (nay là C), phường B, quận K, thành phố Hải Phòng; mục đích sử dụng: Thổ cư;

diện tích: 896,1m²; tên chủ sử dụng: Nguyễn Văn C3; hiện chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguồn gốc thửa đất trên là của ông cha để lại.

Hiện thửa đất này do ông Nguyễn Văn D là con đẻ của cụ Nguyễn Văn C3 đang quản lý sử dụng. Quá trình sử dụng đất, gia đình ông D có sự hoán đổi ngõ cho ông Nguyễn Duy C2 hiện ở số nhà A đường C, tổ C, phường B, quận K, thành phố Hải Phòng (nay là phường K). Việc đổi đất của hai bên không được thể hiện trên sổ sách quản lý đất đai lưu giữ tại Ủy ban phường. Tuy nhiên cho đến nay thửa đất trên không có tranh chấp với các hộ liền kề về mốc giới mà chỉ có sự tranh chấp về thừa kế của các anh chị em ông D với nhau.

Ông Nguyễn Duy C2 và vợ bà Phạm Thị T5 có quan điểm: Trước đây gia đình ông bà có phần diện tích đất hiện là phần đất đi vào khu đất của cụ Nguyễn Văn C3 do ông Nguyễn Văn D (là con đẻ của cụ C3) đang quản lý, sử dụng. Đến khoảng năm 2017 (ông không nhớ rõ cụ thể thời gian), gia đình ông đã đổi phần diện tích đất này cho anh chị em gia đình bà N - D để lấy phần diện tích lối đi vào đất của cụ C3 theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất; hai bên chỉ đổi cho nhau bằng miệng, không bằng văn bản gì. Sau khi đổi đất, gia đình ông đã xây dựng nhà ở kiên cố như hiện nay. Gia đình ông không có tranh chấp với diện tích đất đã đổi cho anh chị em ông D.

Theo văn bản trả lời của Văn phòng Đ - Chi nhánh quận K: Thửa đất trên hiện không có thông tin về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất (chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, xác định:

1. Về đất: Thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 303592-8 - (11), tại tổ B cụm D (hiện là số 168 đường C, tổ C) phường B, quận K, thành phố Hải Phòng có diện tích đất theo số đo thực tế là 791,7m². Trị giá 11.000.000 đồng/m².

2. Về tài sản trên đất: 01 dãy nhà 01 tầng lợp tôn, tường chịu lực; 02 nhà 01 tầng hết niên hạn sử dụng; 01 cây nhãn to đường kính trên 60cm; 08 cây vải nhỏ gốc từ 20cm đến 30cm; 01 cây bưởi gốc từ 20cm đến 30cm; 01 cây thị to gốc từ 30cm đến 40cm; 01 cây dừa cao trên 5m. Diện tích kích thước thửa đất và công trình vật kiến trúc trên đất có sơ đồ hiện trạng của đơn vị đo vẽ kèm theo. Tổng giá trị tài sản trên đất là 359.505.000 đồng.

Tại Bản án sơ thẩm số 28/2025/DS-ST ngày 11/11/2025 Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng đã quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Xác định diện tích 791,7m² đất (trong đó có 747,5m² tại thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 303592-8 - (11) tại tổ C, phường K thành phố Hải Phòng và 44,5m² tại thửa đất số 20, tờ bản đồ địa chính số 303592-8 - (11) tổ C, phường K, thành phố Hải Phòng do đổi đất) là của cụ Nguyễn Văn C3 và cụ Nguyễn Thị V để lại, chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật, cụ thể:

- Giao cho ông Nguyễn Văn D được quyền sử dụng diện tích 233,45 m² đất có ký hiệu là (S1) (trong đó có 231,95m² tại thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 303592-8 - (11) tại tổ C, phường K thành phố Hải Phòng và 1,5m² tại thửa đất số 20, tờ bản đồ địa chính số 303592-8 - (11) tại tổ C, phường K, thành phố Hải Phòng do đổi đất) và sở hữu các tài sản gắn liền với diện tích đất và được quyền sử dụng ngõ đi chung. Ông D có trách nhiệm tháo dỡ 1,6m² công trình trên đất (1) theo các mốc A-B-C-A, lán tôn (3), công nằm trên diện tích đất dùng làm ngõ đi chung, vị trí, kích thước diện tích đất (có sơ đồ kèm theo).

- Giao cho ông Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Văn T1, chị Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Văn D1, chị Nguyễn Thị T3, chị Nguyễn Thị T4 được quyền sử dụng 96,6m² có ký hiệu là (S2) tại thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 303592-8 - (11) tại tổ C, phường K thành phố Hải Phòng và sở hữu các tài sản gắn liền với diện tích đất, vị trí, kích thước diện tích đất (có sơ đồ kèm theo) và được quyền sử dụng ngõ đi chung.

Ông Nguyễn Văn B, anh Nguyễn Văn T1, chị Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Văn D1, chị Nguyễn Thị T3, chị Nguyễn Thị T4 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị N2 số tiền 58.671.000đ (năm mươi tám triệu, sáu trăm bảy một nghìn) đồng.

- Giao cho chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị P được quyền sử dụng 96,6m² đất có ký hiệu là (S3) tại thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 303592-8 - (11) tại tổ C, phường K thành phố Hải Phòng và sở hữu các tài sản gắn liền với diện tích đất, vị trí, kích thước diện tích đất (có sơ đồ kèm theo) và được quyền sử dụng ngõ đi chung.

Chị Nguyễn Thị H1, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị P phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị N2 số tiền 57.511.000đ (năm mươi bảy triệu, năm trăm mười một nghìn) đồng, tương ứng với 24,8m² diện tích nhà trọ.

- Giao cho ông Nguyễn Văn H được quyền sử dụng diện tích 124,8m² đất có ký hiệu là (S4) tại thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 303592-8 - (11) tại tổ C, phường K thành phố Hải Phòng và sở hữu các tài sản gắn liền với diện tích đất, vị trí, kích thước diện tích đất (có sơ đồ kèm theo) và được quyền sử dụng ngõ đi chung.

Ông Nguyễn Văn H phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị N2 số tiền 91.833.000đ (chín mươi một triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

- Giao cho bà Nguyễn Thị N được quyền sử dụng diện tích 124,8m² đất có ký hiệu là (S5) tại thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 303592-8 - (11) tại tổ C, phường K thành phố Hải Phòng và sở hữu các tài sản gắn liền với diện tích đất, vị trí, kích thước diện tích đất (có sơ đồ kèm theo) và được quyền sử dụng ngõ đi chung.

2. Các đương sự được quyền sử dụng chung ngõ đi có diện tích là 115,5 m² (trong đó có 72,5m² đất tại thửa đất số 28, tờ bản đồ địa chính số 303592-8 - (11) tại tổ C, phường K thành phố Hải Phòng và 43,0m² tại thửa đất số 20, tờ bản đồ địa chính số 303592-8 - (11) tổ C, phường K, thành phố Hải Phòng do đổi đất), vị trí, kích thước diện tích đất (có sơ đồ kèm theo) và phải tự tháo dỡ các vật, kiến trúc khác trên phần diện tích làm ngõ đi chung.

Ngoài ra bản án có tuyên về chi phí tố tụng, án phí, lãi suất chậm trả, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự.

Ngày 19/11/2025 bị đơn ông Nguyễn Văn D, kháng cáo toàn bộ bản án với nội dung: Các đồng thừa kế đã có tài sản riêng nên phải dành một phần tài sản chung vào việc làm nơi thờ cúng tổ tiên, bố mẹ. Đề nghị tính lại phần công sức của ông trong việc chăm sóc, lo ma chay cho bố mẹ và cho ông L, đề nghị xem xét lại về giá với khu nhà trọ do ông xây dựng.

Ngày 20/11/2025 nguyên đơn bà Nguyễn Thị N nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm. Bà N đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chia đều di sản thừa kế của cụ C3, cụ V, ông L bằng hiện vật những người được hưởng thừa kế nhận kỷ phần thừa kế bằng nhau, không tính công sức chăm sóc cho ông D. Buộc ông D phải tháo dỡ khu nhà trọ trên phần di sản thừa kế.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà N, ông D và những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, người đại diện theo ủy quyền vẫn giữ nguyên toàn bộ yêu cầu kháng cáo và đề nghị HĐXX miễn án phí dân sự phúc thẩm (nếu có).

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2025/DS-ST ngày 11/11/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng. Về án phí: Bà N, ông D là người cao tuổi nên được miễn án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa. Ý kiến của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng và đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đương sự kháng cáo trong thời hạn quy định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm; Tại phiên tòa một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, HĐXX xét thấy: Về tài sản của cụ C3, cụ V được cấp sơ thẩm chia làm 06 phần cho những người trong hàng thừa kế thứ nhất của các cụ. Trong đó có những người con đã chết trước khi vụ án được xét xử nên phần tài sản của họ đã được giao cho người thừa kế của họ. Đối với

phần di sản của ông Nguyễn Văn L, đã được chia cho 03 người thuộc hàng thừa kế thứ hai của ông L (do ông L, không có vợ, con bố mẹ đều đã chết trước đó) là anh chị, em ruột đang còn sống. Tất cả những người được thuộc diện được hưởng di sản thừa kế đều được chia bằng hiện vật. Tuy nhiên xét về việc sử dụng thực tế, công sức đóng góp trong việc quản lý, duy trì di sản nên Toà án đã quyết định trích một phần tài sản bằng hiện vật cho ông D là phù hợp quy định tại Điều 618 của Bộ luật Dân sự. Trong quá trình quản lý, sử dụng ông D cũng đã xây dựng một số công trình là nhà ở kiên cố, Toà án cấp sơ thẩm đã chia di sản thừa kế cho các đương sự bằng hiện vật nhưng đã cân nhắc về việc đảm bảo việc sử dụng đất ổn định, vị trí, đặc điểm của thửa đất và tạo điều kiện thuận lợi cho các đương sự trong việc sử dụng đất, đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau này. Bên nhận phần tài sản bằng hiện vật nhiều hơn sẽ phải thanh toán cho bên nhận di sản ít hơn được tính bằng tiền. Việc chia di sản thừa kế như trên là đúng quy định tại các Điều 649, 650, 651, 660 của Bộ luật Dân sự. Đối với yêu cầu kháng cáo về việc buộc ông D phải phá dỡ khu nhà trọ để trả diện tích đất mặt bằng cho các đương sự, HĐXX xét thấy, khu nhà trọ trên là do ông Nguyễn Văn D xây dựng trên thửa đất mà ông đang quản lý, sử dụng, ông D là con đẻ của cụ C3 và cụ V sinh sống cùng hai cụ trên phần di sản nói trên nên khi di sản thừa kế chưa được chia và cơ quan nhà nước chưa giao cho ai, thì ông D có quyền xây dựng trên đất. Hiện nay tài sản là khu nhà trọ vẫn đang có giá trị sử dụng và được chia cho những người thừa kế, nên phần di sản của người nào được nhận có diện tích nhà trọ thì phải thanh toán giá trị tài sản bằng tiền cho ông D. Do vậy, yêu cầu kháng cáo của bà N là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn D, HĐXX xét thấy: Theo điều 645 Bộ luật Dân sự thì trường hợp di sản dùng vào việc thờ cúng chỉ phát sinh trong trường hợp người để lại di sản có di chúc, ngoài ra các đương sự cũng có thể thoả thuận, thống nhất trích một phần di sản được hưởng làm nơi thờ cúng. Trong vụ án này cụ C3 và cụ V, ông L chết đều không để lại di chúc và các đương sự trong vụ án là người được hưởng di sản thừa kế không thoả thuận được về việc trích một phần di sản làm nơi thờ cúng nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu trên. Về việc đề nghị tính toán lại phần công sức của ông trong việc chăm sóc cụ C3, cụ V và ông L và lo ma chay, thờ cúng. Toà án cấp sơ thẩm đã xác định ông D có công sức duy trì, tôn tạo thửa đất và trích cho ông một phần di sản thừa kế tương đương với 01 suất thừa kế bằng hiện vật là có căn cứ. Đối với yêu cầu đề nghị xem xét lại về giá với khu nhà trọ do ông xây dựng. Toà án cấp sơ thẩm đã quyết định phân giá trị tài sản của khu trọ do ông xây dựng căn cứ vào kết quả định giá do Hội đồng định giá trong tố tụng dân sự xác định, trong quá trình chuẩn bị xét xử ông không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết quả định giá. Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm ông D cũng không có yêu cầu về định giá lại tài sản nên HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của ông.

[4] Tại cấp phúc thẩm các đương sự không cung cấp thêm chứng cứ, tài liệu mới để chứng minh yêu cầu kháng cáo là có căn cứ. HĐXX không có căn cứ chấp nhận toàn bộ kháng cáo của các đương sự. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2025/DS-ST ngày 11/11/2025 của Toà án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng.

[5] Về án phí phúc thẩm: Các đương sự kháng cáo không được chấp nhận thì phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Do bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn D là người cao tuổi và đề nghị miễn án phí, do vậy HĐXX miễn án phí dân sự phúc thẩm đối với ông D, bà N.

[6] Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn D.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2025/DS-ST ngày 11 tháng 11 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng về việc Tranh chấp về thừa kế tài sản.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn D được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Phòng GD,KT,TT&THA TAND TP Hải Phòng;
- TAND khu vực 5 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 5 - Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Tân